

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2021/DS - PT

Ngày: 20 - 9 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và thực hiện nghĩa vụ do người chết  
để lại

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Kim Cúa

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2021/TLPT- DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số nhà 36A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 65B7, Tổ 6, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Chị Võ Thanh H, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 176A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đỗ Thị Minh N, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số nhà 176A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Hồ Huyền T, sinh ngày 08/02/2009;

3. Hồ Minh T1, sinh ngày 03/4/2010;

4. Hồ Phúc T2, sinh ngày 02/02/2015;

Cùng địa chỉ: Số nhà 176A, Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị Võ Thanh H là người đại diện theo pháp luật của cháu T, cháu T1, cháu T2 và là người đại diện theo ủy quyền của bà N.

5. Anh Lê Hoàng Trọng D, sinh năm 1983 (đã có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung bản án sơ thẩm :*

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, người đại diện theo ủy quyền của bà C là bà Đinh Thị Bé M trình bày:*

Từ tháng 01/2019 đến ngày 07/6/2019, bà C có cho anh Hồ Minh T (chồng chị H) vay nhiều lần số tiền tổng cộng là 1.066.000.000 (một tỉ không trăm sáu mươi sáu triệu) đồng, lãi suất 1.000.000 đồng, đóng lãi 1.000 đồng/ngày, thời hạn 03 tháng, mục đích vay để sản xuất kinh doanh trong gia đình. Do anh T và bà C là chỗ quen biết nên cho vay bằng chữ tín, không có làm giấy tờ. Mỗi lần anh T cần vay tiền thì điện thoại cho bà C nói rõ số tiền cần vay, sau đó, anh T kêu anh D (bạn làm chung với anh T) đến gặp bà C để lấy tiền. Khi bà C đưa tiền cho anh D, anh D có ghi giấy đề ngày tháng năm, số tiền cụ thể, “D lấy dùm anh T” và ký tên vào giấy giao cho bà C giữ. Bà C biết rõ anh D không có làm ăn và cũng không có tài sản nên không bao giờ cho anh D vay tiền từ khi vay đến tháng 6/2019 anh T chưa đóng lãi và trả vốn cho bà C thì bị đột quỵ chết ngày 04/7/2019.

Sau khi anh T chết, vào ngày 10/7/2019 bà C cùng chị H là vợ anh T có thỏa thuận và chị H thống nhất viết tờ cam kết sẽ trả số tiền anh T nợ bà C. Nhưng đến nay chị H không chịu trả số nợ.

Anh T chết có để lại di sản là các phần đất thuộc thửa số 405, 406, 427, tờ bản đồ số 23 do anh Hồ Minh T và chị Võ Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi anh T chết, hàng thừa kế của anh T thống nhất làm hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cho chị H đứng tên quyền sử dụng đất, đây là tài sản chung của vợ chồng anh T. Anh T chết chưa thực hiện việc phân chia thừa kế nên bà C yêu cầu người thừa kế của anh T trả nợ cho anh T trong phạm vi tài sản anh T để lại là 03 thửa đất trên. Cụ thể, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị H trả số tiền vay là 1.066.000.000 đồng, số tiền còn lại buộc người thừa kế của anh T gồm bà N (mẹ anh T), chị H (vợ anh T), cháu T, cháu T1 và cháu T2 (con anh T, chị H, do các con còn nhỏ nên chị H là người đại diện theo pháp luật của 03 cháu) có nghĩa vụ chung trả cho bà C số tiền còn lại trong phạm vi tài sản anh T để lại là các thửa đất: số 405 diện tích

129,8m<sup>2</sup>, số 406 diện tích 127,2m<sup>2</sup>, số 427 diện tích 2547,4m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 23, tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, hiện do chị Võ Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất.

Bà C không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc anh D ghi giấy nợ mượn tiền dùm anh T trong vụ án này.

*Bị đơn chị Võ Thanh H đồng thời là người đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Chị và anh T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Từ ngày chị và anh T cưới nhau có tạo lập được một số tài sản là đất do anh chị sang nhượng mà có, số lượng bao nhiêu chị không nhớ. Hiện còn các thửa đất thuộc các thửa số 405, 406, 427, tờ bản đồ số 23, tiền chuyển nhượng đất là do chị và anh T vay Ngân hàng và chị làm ăn kinh doanh có lợi nhuận để mua đất. Anh T chết ngày 04/7/2019, không có để lại di chúc, tài sản chưa phân chia cho hàng thừa kế. Trong ngày đám tang anh T, bà C có đến viếng và nói anh T còn nợ tiền của bà, có giấy tờ rõ ràng. Vào ngày 10/7/2019, bà C kêu chị đến nhà ông Sáu Xinh (nơi anh T làm việc khi còn sống) để thỏa thuận. Do anh T chết đột ngột và bà đưa giấy tờ của anh T viết khi vay nợ của bà nên chị có viết giấy nhận nợ của anh T cho bà C (theo mẫu anh Tân con rể ông Xinh đã soạn). Sau đó bà C lại đưa bản photo giấy tờ do anh D viết ghi “D nhận tiền dùm anh T” là không hợp lý nên chị không đồng ý trả. Trong ngày 10/7/2019, chị có viết giấy nợ cam kết trả cho vài người nữa nhưng chị đã trả xong, do số tiền này khi còn sống anh T có nói với chị. Việc anh T nhờ anh D nhận tiền của bà C hay anh T vay tiền của bà C chị không biết và không nghe anh T nói nên chị không đồng ý trả cho bà C.

Nay bà C yêu cầu chị và người thừa kế của anh T trả tiền thì chị không đồng ý trả. Việc anh D có ghi giấy nợ nhận tiền của bà C thì anh D và bà C tự giải quyết, chị không biết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng Trọng D trình bày:*

Anh làm việc chung với anh T và chơi rất thân với anh T, do công việc tại công ty làm theo ca nên thời gian rảnh anh T nhờ anh đi làm dùm một số công việc. Anh T nhờ anh đem tiền đóng thuế cho công ty, đóng tiền lãi vay ngân hàng cho anh T và lấy tiền dùm anh T. Khi còn sống và trong thời gian anh T làm việc tại công ty, anh thấy anh T có làm ăn để lo cho kinh tế gia đình như chăn nuôi quy mô lớn, kinh doanh mặt hàng điện nước (mở tiệm cho chị H làm) và kinh doanh bất động sản. Trong vụ kiện này, anh T có nhờ anh đi lấy tiền vay của bà C. Khi vay tiền anh T điện thoại cho bà C và kêu anh đi nhận tiền dùm, mỗi lần nhận tiền bà C kêu anh viết giấy ghi nhận tiền dùm T ghi ngày, tháng, năm và số tiền cụ thể. Sau đó, anh đem về giao cho anh T đầy đủ nên bà C mới cho anh T vay tiếp. Anh làm việc cho anh T vì tình cảm chứ không vì lợi nhuận, thỉnh thoảng anh T có cho anh tiền đồ xăng (từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng). Nay anh T chết, chị H xem xét trả nợ cho bà C là hợp lý. Anh không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ kiện này.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, quyết định:*

Áp dụng các Điều 463, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu chị Võ Thanh H và người thừa kế của anh Hồ Minh T là chị Võ Thanh H, bà Đỗ Thị Minh N và cháu Hồ Huyền T, cháu Hồ Minh T1, cháu Hồ Phúc T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay là 1.066.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị C và anh Lê Hoàng Trọng D không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/5/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh N, cháu Hồ Huyền T, Hồ Minh T1, Hồ Phúc T2 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ do anh Lê Minh T chết để lại, cụ thể là trả cho bà C số tiền mà anh T đã vay của bà là 1.066.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy tay lập ngày 10/7/2019 có chữ ký và nội dung xác nhận nợ của anh T của chị Võ Thanh H và người làm chứng Trần Văn U, Nguyễn Văn X; 12 giấy tay có nội dung “D lấy giùm T” các ngày 29/01/2019 là 80.000.000 đồng, ngày 07/02/2019 là 57.660.000 đồng, ngày 07/3/2019 là 66.339.000 đồng,

ngày 07/4/2019 là 57.120.000 đồng, ngày 10/4/2019 là 70.000.000 đồng, ngày 20/4/2019 là 20.000.000 đồng, ngày 03/5/2019 là 150.000.000 đồng, ngày 29/5/2019 là 100.000.000 đồng, ngày 01/6/2019 là 30.000.000 đồng, ngày 06/6/2019 là 100.000.000 đồng, ngày 07/6/2019 là 36.000.000 đồng, ngày 20/6/2019 là 300.000.000 đồng. Bị đơn chị Võ Thanh H trình bày, chị ký giấy ngày 10/7/2019 để nhận nợ giùm anh T vì bà C nói anh T vay tiền của bà C có viết biên nhận rõ ràng, tuy nhiên sau đó bà C mới photô 12 tờ giấy do anh D viết “lấy giùm T” mà không có bút tích gì của anh T nên chị không đồng ý trả. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo.

[2] Nguyên đơn cho rằng, do có quen biết anh T và anh T là người có uy tín nên nguyên đơn cho anh T vay tiền nhiều lần, thời gian cho vay 3 tháng trả 1 lần vốn và lãi và tất cả 12 lần cho vay anh T chỉ điện thoại hỏi vay còn người nhận tiền và viết biên nhận là anh Lê Hoàng Trọng D, là bạn của anh T. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, bà C và anh T chỉ thực hiện giao dịch vay tài sản chỉ có 12 lần như đơn khởi kiện, lần đầu vào ngày 29/01/2019, còn trước đó thì không có giao dịch vay tài sản nào khác và anh T cũng chưa có lần nào trả vốn và lãi cho bà C. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì lần giao nhận đầu tiên ngày 29/01/2019 đến lần giao nhận thứ 6 vào ngày 20/4/2019 với tổng số tiền là 351.119.000 đồng thì anh T cũng chưa trả vốn và lãi cho nguyên đơn lần nào và nguyên đơn cũng chưa có lần nào yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi của 6 lần vay tiền này khi đã đến hạn, mà sau đó nguyên đơn vẫn tiếp tục cho anh T vay tiền 6 lần sau với số tiền lớn hơn 6 lần vay trước là không hợp lý.

[3] Nguyên đơn căn cứ vào tờ giấy không tiêu đề ngày 10/7/2019 do chị Võ Thanh H viết có nội dung: *“Tôi tên: Võ Thanh H...là vợ anh Hồ Minh T... Vừa qua chồng tôi bị bệnh mất đột ngột. Nay tôi thừa nhận chồng tôi có mượn tiền của bà Nguyễn Thị C... số tiền 1.066.000.000 (Một tỉ không trăm sáu mươi sáu triệu) về việc sản xuất kinh doanh cho gia đình. Có kèm theo giấy nợ của từng đợt. Tôi cam kết khi tôi bán đất xong tôi sẽ thanh toán một lần cho bà Nguyễn Thị C...”*. Như vậy, chưa đủ căn cứ xác định việc anh T có vay của bà C số tiền 1.066.000.000 đồng và chưa thanh toán cho bà C, bởi lẽ, chị H cho rằng, bà C cho chị biết anh T có vay tiền của bà C có giấy tờ vay tiền từng đợt của anh T nên chị H mới viết giấy nợ có nội dung như trên, tuy nhiên sau khi chị H viết giấy nợ thì bà C không giao được cho chị H giấy nợ thể hiện anh T có vay tiền của bà C mà bà C chỉ cung cấp được 12 giấy nhận tiền do anh D ký nhận giùm T như đã trình bày ở trên, đồng thời bà C không có chứng cứ chứng minh anh T có vay hoặc nhờ anh D nhận tiền giùm và anh D đã giao tiền xong cho anh T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Bà C phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu chị Võ Thanh H và người thừa kế của anh Hồ Minh T là chị Võ Thanh H, bà Đỗ Thị Minh N và cháu Hồ Huyền T, cháu Hồ Minh T1, cháu Hồ Phúc T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay là 1.066.000.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Chi phí thu thập chứng cứ: Bà Nguyễn Thị C phải chịu chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.280.000 đồng (một triệu hai trăm tám chục nghìn đồng) và bà C đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí là 36.798.000 (ba mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.999.000 (hai mươi một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001252 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị C phải nộp tiếp số tiền án phí là 14.799.000 (mười bốn triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005121 ngày 20/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**Phạm Kim Cũ**